

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 3 năm 2021

DANH SÁCH ĐIỂM THI

**PHẦN II: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN
VÀ LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 43, TẠI TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ngọc Anh	01	50	8,0	Tám	
2	Nguyễn Hoàng Anh	02	51	8,0	Tám	
3	Nguyễn Minh Chính	03	11	7,5	Bảy rưỡi	
4	Vũ Văn Cường	04	08	8,0	Tám	
5	Bùi Văn Cường	05	15	7,0	Bảy	
6	Nguyễn Việt Cường	06	18	8,0	Tám	
7	Nguyễn Thị Đào	07	35	8,0	Tám	
8	Hà Thế Đạt	08	48	7,0	Bảy	
9	Nguyễn Văn Đoạt	09	25	7,5	Bảy rưỡi	
10	Nguyễn Văn Đông	10	45	7,5	Bảy rưỡi	
11	Trần Thị Hảo	11	22	8,0	Tám	
12	Trần Đức Hoàn	12	20	7,0	Bảy	
13	Nguyễn Thị Huệ	13	02	8,0	Tám	
14	Trần Văn Hưng	14	42	8,0	Tám	
15	Đàm Quang Khải	15	13	7,5	Bảy rưỡi	
16	Trần Văn Khánh	16	28	7,5	Bảy rưỡi	
17	Ngô Văn Khương	17	33	8,0	Tám	
18	Dương Nghĩa Kỳ	18	30	7,0	Bảy	
19	Hoàng Văn Lai	19	27	8,0	Tám	
20	Nguyễn Ngọc Linh	20	05	8,0	Tám	
21	Nguyễn Thị Thanh Mai	21	09	7,5	Bảy rưỡi	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
22	Ma Văn Mẫn	22	06	7,5	Bảy rưỡi	
23	Nguyễn Thị Ngọc	23	38	8,0	Tám	
24	Nông Thị Trang Nhung	24	39	7,5	Bảy rưỡi	
25	Lê Đức Quang	25	24	7,0	Bảy	
26	Lê Lâm Quế	26	07	6,5	Sáu rưỡi	
27	Đỗ Ngọc Quyên	27	41	8,0	Tám	
28	Đặng Văn Quyết	28	03	8,0	Tám	
29	Nguyễn Đức Quỳnh	29	14	7,5	Bảy rưỡi	
30	Trần Thị Sen	30	36	8,0	Tám	
31	Dương Ngọc Sơn	31	53	7,0	Bảy	
32	Phan Quang Tài	32	43	7,5	Bảy rưỡi	
33	Nguyễn Văn Tài	33	32	7,5	Bảy rưỡi	
34	Nguyễn Minh Tâm	34	29	7,5	Bảy rưỡi	
35	Vũ Xuân Thắng	35	34	8,0	Tám	
36	Nguyễn Đình Thắng	36	31	7,5	Bảy rưỡi	
37	Triệu Đức Thành	37	12	7,5	Bảy rưỡi	
38	Nguyễn Trung Thành	38	04	8,0	Tám	
39	Lương Quốc Thiện	39	23	7,5	Bảy rưỡi	
40	Hoàng Huy Thiết	40	21	7,0	Bảy	
41	Hoàng Văn Thiết	41	49	7,5	Bảy rưỡi	
42	Nguyễn Đức Thìn	42	26	8,0	Tám	
43	Nguyễn Quý Thịnh	43	17	7,5	Bảy rưỡi	
44	Vũ Thị Thơm	44	40	7,5	Bảy rưỡi	
45	Nguyễn Thị Thúy	45	19	7,0	Bảy	
46	Hoàng Minh Tịnh	46	52	7,5	Bảy rưỡi	
47	Hà Ngọc Tráng	47	44	7,0	Bảy	
48	Nguyễn Bá Tuấn	48	16	8,0	Tám	
49	Bùi Mạc Tùng	49	10	7,0	Bảy	
50	Lê Quang Tùng	50	37	8,0	Tám	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
51	Phạm Thị Cẩm Vân	51	46	8,0	Tám	
52	Đinh Thế Vinh	52	47	7,0	Bảy	
53	Nguyễn Tuấn Vũ	53	01	8,0	Tám	
54	Đặng Thị Thu Vân	54	54	7,5	Bảy rưỡi	P. II-K8 Sông Công
55	Đinh Tiến Dương	55	56	7,0	Bảy	P. II-K8 Sông Công
56	Ngô Thị Thanh Hòa	56	55	7,0	Bảy	P. II-K11 Phú Bình

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

**KHOA XÂY DỰNG ĐẢNG
TRƯỞNG KHOA**

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây



Ngô Thị Hồng Nhung



Phạm Minh Chuyên

